

GIẢI PHÁP GIẢM TỶ LỆ HỌC SINH BỎ HỌC THÔNG QUA CÔNG TÁC GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ NAM SÀI GÒN

SOLUTIONS ON REDUCING RATIO OF DROP-OUT STUDENTS BY BUSINESS OF CHARGING TEACHERS IN VOCATIONAL AND TECHNICAL COLLEGE OF NAM SAI GON

NGUYỄN THỊ KIM THỦY^(*)

TÓM TẮT: Vấn đề học sinh bỏ học ở Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn ảnh hưởng không tốt đến hiệu suất đào tạo của nhà trường và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng về tỷ lệ học sinh bỏ học và mức độ thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân dẫn đến việc bỏ học của học sinh vô cùng cần thiết. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp thông qua công tác giáo viên chủ nhiệm như phát huy tính tích cực, vai trò tham vấn tâm lý khi học sinh gặp khó khăn, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trong và ngoài nhà trường, quan tâm theo dõi, giúp đỡ kịp thời những học sinh học tập yếu kém,... nhằm góp phần làm giảm tỷ lệ học sinh bỏ học tại Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn.

Từ khóa: học sinh bỏ học, công tác giáo viên chủ nhiệm, giải pháp giảm tỷ lệ bỏ học.

ABSTRACT: Issue of drop out students in Vocational and Technical college of Nam Sai Gon has negative effect on educational efficiency of the school and educational quality of human resource. Therefore, it is necessary to research drop-out student ratio and the extent of task, function, role implementation of responsible teacher to figure out affecting factors and the reasons of dropout. On that basis, we suggest some solutions through responsible teacher works such as promote the proactivity, mental consulting role of student in difficulty, closely cooperate with other parties, give interest and attention, and prompt support to students with bad performance... in order to reduce ratio of dropout in Vocational and Technical college of Nam Sai Gon.

Keywords: drop-out student, responsible teacher works, solution on reducing ratio of drop-out student.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, học sinh bỏ học chiếm tỷ lệ khá cao ở các trường dạy nghề, trong đó có Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ

Nam Sài Gòn. Học sinh bỏ học vì nhiều nguyên nhân như: hoàn cảnh gia đình khó khăn, việc định hướng nghề nghiệp của phụ huynh học sinh chưa tốt, động cơ học tập

^(*) CN. Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn, Email: kimthuy@namsaigon.edu.vn

của học sinh chưa cao, hoặc do bản thân học sinh,... trong đó, có cả nguyên nhân từ hiệu quả của công tác giáo viên chủ nhiệm. Trong những năm qua, việc thực hiện công tác chủ nhiệm đã nhận được sự chỉ đạo của các cấp, ngành cùng với sự lãnh đạo của đội ngũ làm công tác quản lý giáo dục. Song, năng lực của đội ngũ giáo viên được phân công làm công tác chủ nhiệm chưa đồng đều, một số giáo viên chủ nhiệm chưa toàn tâm toàn ý phục vụ cho sự nghiệp giáo dục, chưa nỗ lực hết mình nên hiệu quả trong công tác chủ nhiệm chưa cao. Riêng đối với Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn, bên cạnh những thuận lợi nhất định, vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt từ phía chủ quan của giáo viên chủ nhiệm và khách quan từ xã hội. Một số giáo viên chủ nhiệm thiếu kinh nghiệm, chưa thực hiện hết trách nhiệm về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm. Việc tìm hiểu học sinh của một số giáo viên chủ nhiệm chỉ dừng lại trên sổ sách, chưa đi sâu vào hoàn cảnh thực tế của từng em, đặc biệt là những học sinh cá biệt để có những biện pháp uốn nắn kịp thời. Hình thức tổ chức tiết sinh hoạt chủ nhiệm chưa phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn học sinh, còn mang nặng hình thức đánh giá, phê bình làm căng thẳng tiết sinh hoạt lớp. Công tác tham vấn tâm lý học sinh khi gặp khó khăn trở ngại trong học tập, cuộc sống chưa được giải quyết thường xuyên từ phía giáo viên chủ nhiệm. Vì thế, việc học sinh bỏ học vẫn chiếm tỷ lệ cao, đặc biệt ở học sinh trung học cơ sở đi học nghề.

Xuất phát từ thực trạng trên, việc nghiên cứu các giải pháp giảm tỷ lệ học

sinh bỏ học thông qua công tác giáo viên chủ nhiệm là rất cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao trong bối cảnh hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Tiến hành phân tích các tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề bỏ học của học sinh làm tiền đề cho việc xây dựng cơ sở lý luận của việc nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Bảng hỏi được xây dựng dưới dạng phiếu thăm dò ý kiến dành cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh học sinh các lớp nhằm làm rõ thực trạng bỏ học của học sinh tại nhà trường.

Phương pháp quan sát: Quan sát các quá trình học tập, hoạt động của học sinh để ghi nhận việc giáo viên chủ nhiệm thực hiện vai trò, nhiệm vụ, chức năng nhằm giảm tỷ lệ học sinh bỏ học thông qua các giải pháp đã đề xuất.

Phương pháp chuyên gia: Người nghiên cứu lựa chọn các giải pháp tiêu biểu tiến hành khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của giải pháp.

Phương pháp thực nghiệm: Chọn hai lớp hệ trung học cơ sở thuộc ngành Thẩm mỹ sắc đẹp để tiến hành thực nghiệm gồm nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Đối với nhóm thực nghiệm tác động bằng giải pháp đã đề xuất. Trên cơ sở đó chứng minh giải pháp đề xuất giảm tỷ lệ học sinh bỏ học có hiệu quả.

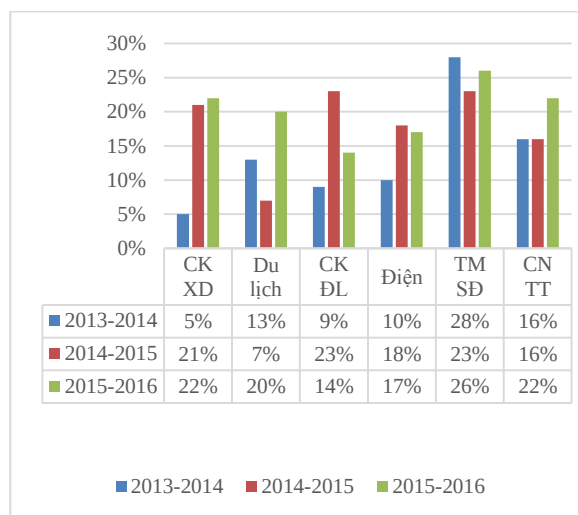
Phương pháp thống kê: Phương pháp này nhằm làm sáng tỏ những dữ liệu của các phiếu quan sát và các phiếu điều tra bằng bảng hỏi. Các thông tin thu thập sẽ được phân tích, định lượng và được xử lý

bằng phần mềm Excel với những giá trị như: tỉ lệ phần trăm, tần số,... làm cơ sở để bình luận số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp quan sát.

3. THỰC TRẠNG VỀ TỶ LỆ HỌC SINH BỎ HỌC VÀ CÔNG TÁC GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ NAM SÀI GÒN

3.1. Tỷ lệ học sinh bỏ học

Chúng tôi đã khảo sát và thu thập số liệu tại Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn về tỷ lệ học sinh hệ trung cơ sở bỏ học trong ba năm học gần đây với kết quả như sau:



Hình 1. Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa các năm

Ghi chú: CKXD : Cơ khí xây dựng; CKDL: Cơ khí động lực; TMSD: Thẩm mỹ sắc đẹp; CNTT: Công nghệ thông tin.

Kết quả Hình 1 cho thấy, học sinh bỏ học ở các năm học chiếm tỷ lệ khá cao và tập trung đều ở các ngành nghề. Trong ba năm học, tỷ lệ bỏ học của học sinh vẫn không có chiều hướng suy giảm, thậm chí còn chiếm tỷ lệ cao hơn so với năm học trước. Cụ thể năm học 2015-2016, ngành

Thẩm mỹ sắc đẹp, Công nghệ thông tin có tỷ lệ học sinh bỏ học cao hơn năm học 2014-2015. Ngành Du lịch tỷ lệ học sinh bỏ học năm 2015-2016 cao hơn năm học 2014-2015 đến 13%. Điều này chứng tỏ công tác đảm bảo hiệu suất đào tạo tại nhà trường chưa cao. Học sinh bỏ học do rất nhiều nguyên nhân như tác động từ nhà trường, gia đình, xã hội và chính bản thân học sinh không chịu học, không đam mê nghề nghiệp đã lựa chọn,... Đặc biệt, đối với học sinh hệ trung học cơ sở, do các em dưới 18 tuổi nên tâm sinh lý các em chưa ổn định, gây ảnh hưởng ít nhiều đến công tác giáo dục và đào tạo tại nhà trường.

3.2. Mức độ thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm

3.2.1. Mức độ thực hiện vai trò của giáo viên chủ nhiệm

Kết quả khảo sát từ 300 học sinh, 50 giáo viên chủ nhiệm, 100 phụ huynh học sinh cho thấy, mức độ thực hiện vai trò của giáo viên chủ nhiệm vẫn còn hạn chế. Giáo viên chủ nhiệm chưa thể hiện hết trách nhiệm của mình, đặc biệt một số vai trò tác động đến vấn đề giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Ví dụ như chỉ có 47,67% ý kiến học sinh và 52% giáo viên cho rằng giáo viên chủ nhiệm thường xuyên thực hiện vai trò tham vấn tâm lý. Đối với vai trò “là cầu nối giữa gia đình, nhà trường, xã hội” thì 34,67% học sinh và 42% giáo viên cho rằng giáo viên chủ nhiệm chỉ thỉnh thoảng liên hệ với gia đình, nhà trường, xã hội. Cũng có những vai trò giáo viên chủ nhiệm thực hiện khá tốt như quản lý lớp chủ nhiệm, cố vấn công tác Đoàn, Đội cho tập thể học sinh ở lớp chủ nhiệm, vai trò giáo

dục ý thức, thái độ, đạo đức cho học sinh, vai trò đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

3.2.2. Mức độ thực hiện nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm

Đa số học sinh cho rằng, giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu và nắm vững học sinh trong lớp chủ nhiệm chiếm 62% ở mức thường xuyên và 64% giáo viên cho rằng ở mức thường xuyên. Giáo viên chủ nhiệm chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn, gia đình, Đoàn trường trong hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh của lớp ở mức thường xuyên ít hơn nhiệm vụ đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh. Nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng trong và ngoài trường được học sinh đánh giá 63,33% và 58% giáo viên cho rằng nhiệm vụ này thực hiện thường xuyên. Nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm thể hiện ở chỗ họ là cầu nối giữa tập thể học sinh với các tổ chức trong và ngoài nhà trường. Hiệu quả của công tác chủ nhiệm phụ thuộc rất nhiều vào các giải pháp thực hiện liên kết giáo dục với các tổ chức xã hội, giáo viên bộ môn nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng của các lực lượng, các tổ chức, cá nhân vào công tác giáo dục học sinh.

3.2.3. Mức độ thực hiện chức năng của giáo viên chủ nhiệm

Khi được khảo sát, số học sinh cho rằng, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm giúp đỡ học sinh cá biệt chiếm tỷ lệ 55,67% ở mức thường xuyên và 38% ở mức thỉnh thoảng. Vẫn còn tỷ lệ từ 6%-38% giáo viên và học sinh nhận định, giáo viên chủ nhiệm vẫn chưa quan tâm nhiều đến học sinh cá biệt, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến quá trình giáo dục học sinh. Chức năng giáo viên chủ nhiệm cho thấy

được tác dụng của việc học tập, tu dưỡng đối với hiện tại và tương lai của các em là cần thiết.

Chức năng lập kế hoạch tháng cũng cần thiết đối với giáo viên chủ nhiệm. Có đến 56,67% học sinh đánh giá chức năng này ở mức thường xuyên và 60% giáo viên ở mức thường xuyên. Kết quả khảo sát giáo viên cho thấy, giáo viên chủ nhiệm thực hiện chức năng này thỉnh thoảng chiếm tỷ lệ 36% và hiếm khi chiếm tỷ lệ 4%. Nhìn chung, học sinh và giáo viên nhận định, giáo viên chủ nhiệm chưa thường xuyên lập kế hoạch chủ nhiệm cho từng tháng của lớp chủ nhiệm để đảm bảo tính hệ thống, phát triển giáo dục nhân cách học sinh.

Chức năng phát huy ý thức tự quản của người học được giáo viên cho rằng, chiếm tỷ lệ 48% mức độ thường xuyên và thỉnh thoảng chiếm tỷ lệ 44%. Vẫn còn tỷ lệ từ 4%-8% học sinh cho rằng, giáo viên chủ nhiệm ít khi thực hiện chức năng này. Nếu giáo viên chủ nhiệm thực hiện tốt sẽ góp phần bồi dưỡng năng lực tự quản cho học sinh của lớp.

3.3. Yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân dẫn đến học sinh bỏ học

3.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến học sinh bỏ học

Kết quả khảo sát cho thấy đánh giá của giáo viên về yếu tố tác động đến việc bỏ học của học sinh ở tỷ lệ khá cao. Yếu tố động cơ học tập, ý thức thái độ của học sinh ảnh hưởng nhiều đến việc bỏ học với tỷ lệ 77,33 % học sinh và 74% ý kiến giáo viên. Ngoài ra, lòng yêu nghề của học sinh cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học. Đa số giáo viên và học

sinh cho rằng yếu tố này ảnh hưởng nhiều, chiếm tỷ lệ 81,67% ý kiến học sinh. Kế đến là vai trò hướng nghiệp của nhà trường cũng chiếm tỷ lệ khá cao ảnh hưởng đến học sinh. Có đến 74,67% ý kiến học sinh và 64% ý kiến giáo viên đều nhận định ở mức độ ảnh hưởng nhiều đến việc học sinh bỏ học. Phần lớn học sinh và giáo viên cho rằng, nhà trường chưa quan tâm đến công tác hướng nghiệp hoặc có nhưng chưa hiệu quả.

Yếu tố gia đình ảnh hưởng nhiều đến việc học sinh bỏ học. Khi khảo sát học sinh về mức độ ảnh hưởng đến học sinh bỏ học, có đến 79,67% nhận định, ảnh hưởng nhiều và 10,67% ảnh hưởng ít. Về phía giáo viên, khi chúng tôi tiến hành trưng cầu ý kiến, 86% cho rằng, ảnh hưởng nhiều, 14% ảnh hưởng ít. Gia đình cũng chưa quan tâm chặt chẽ đến con em mình, chỉ có 46% phụ huynh học sinh cho rằng, việc học tập của học sinh cần thiết vì họ thường xuyên quan tâm nhắc nhở, động viên học sinh học tập.

Nhà trường cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh. Khi tiến hành khảo sát ý kiến giáo viên, nhận định yếu tố này ảnh hưởng nhiều đến việc bỏ học của học sinh chiếm 76% và 14% ảnh hưởng ít.

Yếu tố xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc bỏ học của học sinh. Tỷ lệ 9,67% giáo viên cho rằng yếu tố này ảnh hưởng ít đến việc bỏ học. Nhưng giáo viên nhận định đây là yếu tố ảnh hưởng nhiều chiếm tỷ lệ đến 82%. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh và những yếu tố này không tác động một cách đơn lẻ mà có sự kết hợp, đan xen tạo thành một hệ thống có sự tác động qua lại lẫn

nhau. Trong đó, động cơ học tập, sự hứng thú nghề nghiệp, gia đình, nhà trường và xã hội là những yếu tố ảnh hưởng khá lớn đến vấn đề bỏ học của học sinh.

3.3.2. Nguyên nhân dẫn đến học sinh bỏ học

Thứ nhất, do chính bản thân học sinh. Số học sinh cho rằng nguyên nhân “Học sinh bỏ học là do lười học, ham chơi, đua đòi” không cố gắng học tập chiếm tỷ lệ 15% và giáo viên chiếm tỷ lệ 17%. Lý do “muốn nghỉ học để đi làm kiếm tiền” nuôi sống bản thân, gia đình và lý do “thiếu động cơ và ý thức học tập” theo khảo sát của giáo viên và học sinh chiếm tỷ lệ dao động từ 12-16%. Nguyên nhân “thiếu đam mê nghề và không có năng lực nghề” được học sinh cho là một trong những nguyên nhân bỏ học chiếm tỷ lệ 12%. Kế đến, “học sinh học lực quá kém dẫn đến lưu ban hoặc buộc thôi học trong quá trình đào tạo” chiếm tỷ lệ khá cao, được 138 lựa chọn của học sinh và 20 lựa chọn của giáo viên xếp vị trí thứ 4. Nguyên nhân học sinh nghỉ học do “sức khỏe kém, bệnh tật và khuyết tật” và “thiếu kỷ luật, không đủ kiên nhẫn theo học” được học sinh lựa chọn với tỷ lệ chiếm 8%. Cuối cùng, việc mâu thuẫn bạn bè xảy ra đối với học sinh cũng là một trong những nguyên nhân gây ra việc bỏ học.

Thứ hai, do ảnh hưởng từ phía nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy đa số học sinh và giáo viên cho rằng nguyên nhân học sinh bỏ học phần lớn do công tác “giáo viên chủ nhiệm tham vấn tâm lý học sinh không thường xuyên khi học sinh gặp khó khăn” và “nhà trường quá đặt nặng việc chấp hành nội quy” chiếm tỉ lệ cao nhất

15% với sự lựa chọn dao động từ 129-145 ý kiến học sinh và 22-23 ý kiến giáo viên. Hoạt động ngoại khóa của nhà trường cũng ít nhiều ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh. Kết quả khảo sát có 11% ý kiến học sinh và 12% ý kiến giáo viên cho rằng đây là nguyên nhân dẫn đến học sinh bỏ học. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến việc học sinh bỏ học như: quá trình đào tạo chưa phù hợp, cơ sở vật chất chưa đầy đủ và phương pháp giảng dạy của giáo viên được học sinh và giáo viên đánh giá chiếm tỷ lệ dao động 7%-9%.

Thứ ba, do hoàn cảnh gia đình. Phần lớn phụ huynh học sinh cho rằng, kinh tế gia đình rất khó khăn khi cho con đi học, phụ huynh học sinh vì phải lo mưu sinh nên đi sớm về nhà trễ không có thời gian chăm sóc, quan tâm đến học sinh dẫn đến các em tự ý muốn học hay không là tùy thích. Đối với nhận định này, có 20% ý kiến giáo viên và học sinh đồng ý. Một số học sinh xuất thân từ hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn như: “mồ côi cha mẹ, ly hôn, gia đình không hạnh phúc” là nguyên nhân tác động nhiều đến việc học sinh bỏ học. Một số phụ huynh học sinh cho rằng, việc giảng dạy và giáo dục học sinh là trách nhiệm của nhà trường nên họ giao phó tất cả công việc giáo dục nhân cách, tri thức của học sinh cho nhà trường.

Nguyên nhân học sinh bỏ học từ phía xã hội nhìn một cách khách quan thì chủ yếu là từ các yếu tố bên ngoài như: nghiện game, trò chơi điện tử, mạng xã hội, tệ nạn xã hội,... Thực tế việc học sinh bỏ học có thể kéo theo nhiều hệ lụy cả trước mắt lẫn lâu dài, không chỉ đối với cá nhân, gia đình học sinh mà cả với nhà trường và xã hội.

Khi bỏ học, tâm trạng thường chán nản khiến những học sinh này dễ bị kích động, lôi kéo. Có thể hình thành nên một số lượng thanh thiếu niên thất học, dễ sa vào các thói hư tật xấu, các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIẢM TỶ LỆ HỌC SINH BỎ HỌC THÔNG QUA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

4.1. Phát huy tích cực vai trò tham vấn tâm lý

Vai trò trong công tác tham vấn tâm lý cho học sinh sẽ tác động vào nhận thức, giúp các em tự nhận thức, tự giải quyết vấn đề, qua đó hình thành tính tự lập, biết tự chịu trách nhiệm. Tham vấn giúp học sinh lựa chọn cách xử lý đúng, góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng của mình. Tham vấn tâm lý tạo ra môi trường tích cực cho sự phát triển nhân cách của học sinh. Tham vấn nhằm uốn nắn kịp thời những nhận thức sai lệch, những suy nghĩ thiếu chín chắn đồng thời khắc phục những khó khăn về cá nhân và hoàn cảnh gia đình của học sinh, góp phần ngăn chặn nguy cơ bỏ học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Với vai trò là người chịu trách nhiệm trực tiếp về mọi mặt phát triển của học sinh và là người gần gũi nhất với học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần phải quan tâm đến nội dung công tác tham vấn này. Để làm tốt công việc này, giáo viên chủ nhiệm cần quan tâm tìm hiểu và nắm bắt đặc điểm tâm lý từng học sinh trong lớp, quan sát để phát hiện những thay đổi trong hành vi, những hiện tượng bất thường trong đời sống học đường của học sinh. Giáo

viên chủ nhiệm cần thật nhẹ nhàng, kiên nhẫn, biết lắng nghe và thấu hiểu. Khi giáo viên lắng nghe và thể hiện sự thấu hiểu, các em sẽ dễ dàng bày tỏ những điều đang chất chứa trong lòng. Thực tế trong công tác quản lý lớp của giáo viên chủ nhiệm khi gặp học sinh có nguy cơ bỏ học, thường xuyên nghỉ học, không tập trung trong giờ học vì nhiều lý do như học sinh gặp khó khăn vướng mắc thuộc lĩnh vực học tập, mối quan hệ giữa học sinh với thầy cô giáo, với nhà trường, hoàn cảnh gia đình, bản thân học sinh muốn bỏ học,... giáo viên chủ nhiệm cần tham vấn tâm lý cho học sinh.

4.2. Thúc đẩy động cơ học tập nhằm nâng cao ý thức, thái độ học tập của học sinh

Giáo viên chủ nhiệm tác động vào động cơ học tập để các em thấy rõ tầm quan trọng của việc học. Để tạo ra động lực học tập cho học sinh, cần tìm hiểu cái gì tạo ra động lực học tập. Cái tạo ra động lực học tập của học sinh có căn nguyên là nhu cầu học tập. Nhu cầu học tập đó là trạng thái cảm nhận được sự cần thiết của tri thức và các giá trị khác của sự học đối với sự phát triển của bản thân. Giáo viên chủ nhiệm có thể phân tích để học sinh hiểu rõ việc học tập có ý nghĩa. Giáo viên chủ nhiệm đưa ra một số trường hợp cụ thể về tình trạng bỏ học gây hậu quả nghiêm trọng cho bản thân học sinh. Bỏ học sớm không đến trường học tập, không có nghề nghiệp cho tương lai thì suốt cuộc đời phải làm những việc nặng nhọc, bị bạn bè xa lánh,... Ngược lại, những em tham gia học tập đến nơi đến chốn thì làm việc thuận lợi dễ dàng, càng ngày càng tiến thân, bạn bè ngưỡng mộ, cha mẹ được tự hào về con của mình.

4.3. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường

Nhà trường, gia đình và các đoàn thể và xã hội là những lực lượng giáo dục thông qua đầu mối liên kết là giáo viên chủ nhiệm. Thông qua Đoàn trường, giáo viên chủ nhiệm nắm bắt tình hình học sinh và phong trào thi đua của lớp mình, biết được kết quả thi đua về nề nếp hằng ngày, từ đó có kế hoạch phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự quản của lớp. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn nhằm nắm bắt thêm về tinh thần, thái độ học tập, ý thức tổ chức kỷ luật, học lực,... của từng học sinh trong lớp. Tạo điều kiện để giáo viên chủ nhiệm có sự nhìn nhận và đánh giá khách quan về chất lượng học tập của từng học sinh, đồng thời có biện pháp động viên, nhắc nhở, giáo dục phù hợp đối với từng học sinh, giúp các em học tập và rèn luyện nhân cách đạo đức tốt. Công tác liên hệ thường xuyên với phụ huynh học sinh của giáo viên chủ nhiệm không thể thiếu được. Trong cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm, giáo viên chủ nhiệm cần lập danh sách số điện thoại liên lạc của gia đình. Đây là điều kiện thuận lợi giúp giáo viên chủ nhiệm trao đổi gián tiếp với cha mẹ học sinh khi cần thiết. Một số học sinh hiện nay thường xuyên nghỉ học vì nghiện các trò chơi trên Internet dẫn đến tình hình học tập sa sút và bỏ học. Để hạn chế những trường hợp trên, giáo viên chủ nhiệm cần theo dõi nắm bắt kịp thời các ảnh hưởng của các tác động xã hội, từ đó có thể tìm hiểu để đề ra các biện pháp ngăn chặn. Giáo viên chủ nhiệm cần phối hợp cùng với các lực lượng xã hội nhanh chóng kiểm chế sự tác động tiêu cực đến học sinh

để các em đi học thường xuyên hơn góp phần duy trì sĩ số học sinh.

4.4. Quan tâm giúp đỡ kịp thời học sinh có động cơ bỏ học

Nhà giáo dục học Nga D.U. Usinxki nói rằng: *"Muốn giáo dục con người về mọi mặt thì phải hiểu con người về mọi mặt"*. Giáo viên chủ nhiệm khi hiểu rõ từng học sinh thì công tác chủ nhiệm sẽ không còn khó khăn. Giáo viên chủ nhiệm lớp thay mặt hiệu trưởng quản lý lớp học, cần phải có những quyết định đúng đắn về chủ trương, đường lối hoạt động trong công tác chủ nhiệm lớp, về việc sử dụng đội ngũ ban cán sự lớp nhằm tổ chức tốt nhất các hoạt động của lớp, có những mối liên hệ chặt chẽ với các giáo viên trong trường, với phụ huynh học sinh, với các lực lượng giáo dục khác để thực hiện giáo dục đạo đức học sinh, nâng cao thành tích học tập của học sinh, duy trì sĩ số, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học.

Giáo viên chủ nhiệm nên quan tâm tìm hiểu rõ nguyên nhân những trường hợp học sinh bỏ học như tìm hiểu về hoàn cảnh kinh tế gia đình, biện pháp giáo dục trong gia đình, nhu cầu hứng thú và thói quen của học sinh trong gia đình,... Giáo viên chủ nhiệm có thể trực tiếp đến gia đình học sinh

bỏ học vận động học sinh trở lại trường. Những trường hợp khó vận động, giáo viên cần phối hợp với nhà trường và các lực lượng xã hội từ đó tìm giải pháp thích hợp nhằm sớm đưa học sinh trở lại trường. Trong quá trình vận động học sinh, giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm đến mối quan hệ bạn bè của các học sinh đó để có thể từ bạn bè động viên quan tâm giúp các em sớm trở lại trường.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Vấn đề bỏ học của học sinh tại Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn là vấn đề cần được quan tâm xem xét, nghiên cứu một cách nghiêm túc. Bởi vì nhà trường là nơi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nhà trường đóng một vai trò hết sức quan trọng, là nơi cung cấp kiến thức khoa học nền tảng và tay nghề vững chắc cho học sinh. Học sinh bỏ học sẽ dẫn đến những hậu quả không tốt cho bản thân các em, gia đình và xã hội. Để giảm tình trạng học sinh bỏ học cần có nhiều yếu tố tác động như nhà trường, gia đình, xã hội. Trong đó công tác giáo viên chủ nhiệm là một trong các yếu tố góp phần duy trì số lượng học sinh, ngăn chặn được tình trạng học sinh bỏ học của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Quy định chuẩn nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp* (Ban hành theo Thông tư số 08/2012/TT- BGDĐT).
2. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường trung học cơ sở, trung học phổ thông*, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Trí (2011), *Giáo trình Giáo dục nghề nghiệp*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 10/04/2017. Ngày biên tập xong: 27/5/2017. Duyệt đăng: 02/6/2017